

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRÌNH QUỐC HÙNG

**BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ
TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH MỚI**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC
MÃ SỐ: 9310201**

HÀ NỘI - 2026

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: PGS, TS Hoàng Phúc Lâm



Phản biện 1:
.....

Phản biện 2:
.....

Phản biện 3:
.....

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng Chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
*Vào hồi ... giờ... ngày ... tháng ... năm 202..***

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tây Nguyên là không gian địa - chính trị đặc biệt, được ví như “nóc nhà của Đông Dương”, giữ vị trí chiến lược trọng yếu về quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Việt Nam. Tây Nguyên trước đây gồm 05 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng; phía tây tiếp giáp các tỉnh Attapeu, Sekong của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và các tỉnh Ratanakiri, Mondulakiri của Vương quốc Campuchia. Trong suốt tiến trình cách mạng và xây dựng đất nước, khu vực này luôn được xác định là “phên giậu phía Tây của Tổ quốc”, giữ vai trò then chốt trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, kiểm soát không gian an ninh biên giới, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và bảo đảm ANQG.

Trong bối cảnh thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2025 - 2030, sau ngày 01/7/2025, mặc dù có sự điều chỉnh về địa giới hành chính và tổ chức bộ máy ở từng cấp, song điều đó không làm thay đổi bản chất của Tây Nguyên với tư cách là một địa bàn chiến lược thống nhất về quốc phòng, an ninh và ANCT. Với vị trí nằm ở trung tâm khu vực giao thoa chiến lược của ba nước Đông Dương, mọi biến động về ANCT trên địa bàn Tây Nguyên đều có khả năng tác động trực tiếp đến môi trường ANQG và ổn định chính trị - xã hội của đất nước, chứ không mang tính cục bộ. Vì vậy, bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên là yêu cầu mang tính khách quan, thường xuyên và lâu dài, là điều kiện tiên quyết để giữ vững ổn định chính trị và bảo vệ vững chắc ANQG.

Thực tiễn cho thấy, Tây Nguyên là địa bàn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp về ANCT. Sau khi đất nước thống nhất, các thế lực thù địch, phản động liên tục lợi dụng những hạn chế về trình độ phát triển kinh tế - xã hội, nhận thức chính trị, pháp luật của một bộ phận đồng bào DTTS, cùng với đặc điểm dân tộc, tôn giáo đan xen để lôi kéo, kích động, gây rối an ninh, trật tự. Hai vụ bạo loạn chính trị năm 2001 và 2004 là những minh chứng điển hình, cho thấy nguy cơ trực tiếp đe dọa ANCT khi các mâu thuẫn xã hội không được nhận diện đầy đủ, xử lý kịp thời và đúng hướng. Những năm gần đây, hoạt động chống phá tiếp tục diễn biến theo hướng tinh vi hơn, kết hợp giữa kích động tư tưởng ly khai, tự trị với lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền và không gian mạng. Vụ việc nghiêm trọng xảy ra tại tỉnh Đắk Lắk ngày 11/6/2023 cho thấy rõ nguy cơ chuyển hóa từ các vấn đề ANTT sang các điểm nóng ANCT nếu không được kiểm soát chặt chẽ ngay từ cơ sở.

Các số liệu thực tiễn phản ánh rõ tình hình ANTT trên địa bàn Tây Nguyên diễn biến phức tạp, kéo dài và tiềm ẩn nguy cơ thường xuyên tác động đến ANCT. Trong giai đoạn từ năm 2011 đến nay, toàn vùng đã xảy ra 35.943 vụ việc xâm phạm TTATXH, trong đó có 2.661 vụ việc liên quan trực tiếp đến an ninh nông thôn [66, tr. 1]. Các số liệu này phản ánh tính chất phức tạp, kéo dài và có tính hệ thống của tình hình ANTT, gắn với các mâu thuẫn xã hội về đất đai, di cư tự do, sinh kế của đồng bào DTTS và hiệu quả hoạt động của HTCT ở cơ sở; qua đó tiềm ẩn nguy cơ tác động trực tiếp đến ANCT. Bên cạnh đó, Tây Nguyên có cấu trúc dân tộc - tôn giáo đa dạng, đan xen; trong đó tôn giáo có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần của một bộ phận đồng bào DTTS. Lợi dụng đặc điểm này, các tổ chức, đối tượng phản động FULRO coi việc lợi dụng tôn giáo là phương thức chủ yếu, mang tính quy luật để tập hợp lực lượng và tiến hành các hoạt động chống phá. Dưới vỏ bọc các tổ chức tôn giáo cực đoan như “Tin Lành Đêgar”, “Tin Lành đảng Christ” và một số “tà đạo” như “Hà Mòn”..., các đối tượng này gieo rắc tư tưởng ly khai, kích động mâu thuẫn, làm nảy sinh xung đột niềm tin trong cộng đồng, tác động trực tiếp đến ổn định ANCT.

trên địa bàn. Mặc dù chính quyền địa phương và lực lượng chức năng đã triển khai nhiều biện pháp phòng ngừa, đấu tranh, song công tác bảo đảm ANCT vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định, nhất là trong nắm tình hình từ sớm, từ xa và bóc gỡ triệt để các khung tổ chức phản động.

Nhận thức rõ vị trí, vai trò và tính chất đặc thù của Tây Nguyên, thời gian qua Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng nhằm phát triển vùng gắn với củng cố quốc phòng, an ninh và bảo đảm ANCT. Nổi bật là Nghị quyết số 23 - NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị, trong đó xác định giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm ANCT là điều kiện tiên quyết để phát triển bền vững vùng Tây Nguyên. Trên cơ sở đó, Các văn bản tiếp theo như Nghị quyết số 152/NQ - CP ngày 15/11/2022, Nghị định số 178/2024/NĐ - CP ngày 02/11/2024 và các Quyết định số 758/QĐ - TTg, 759/QĐ - TTg ngày 15/11/2025 đã tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho đổi mới quản trị nhà nước, vừa đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với công tác bảo đảm ANCT trong điều kiện điều chỉnh không gian quản lý trên địa bàn Tây Nguyên. Đặc biệt, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng nhân mạnh yêu cầu “giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; giữ vững và củng cố môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng, phát triển đất nước” [47, tr. 8]. Đây là cơ sở chính trị - lý luận trực tiếp định hướng cho công tác bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới, khi các yếu tố an ninh truyền thống và phi truyền thống tiếp tục đan xen, tác động ngày càng phức tạp đến ổn định chính trị - xã hội của vùng chiến lược này.

Trong bối cảnh mới, từ góc độ ANCT, những biến động nhanh chóng của tình hình thế giới, khu vực, cùng với quá trình sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức lại bộ máy HTCT các cấp, đang đặt ra những yêu cầu mới, cao hơn đối với công tác bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên. Nếu không gắn chặt việc điều chỉnh địa giới, tổ chức bộ máy với công tác nắm tình hình, dự báo và quản trị các vấn đề xã hội phát sinh, rất dễ hình thành các “khoảng trống” trong quản lý nhà nước ở cơ sở, tạo điều kiện để các thế lực thù địch lợi dụng, kích động, gây mất ổn định. Bên cạnh đó, các thách thức an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên rừng, di cư tự do, tội phạm công nghệ cao và thông tin xấu độc trên không gian mạng ngày càng gia tăng, đan xen phức tạp với các vấn đề an ninh truyền thống, làm cho môi trường ANCT ở Tây Nguyên thêm khó dự báo.

Chính từ những yêu cầu và thách thức đó, việc nghiên cứu đề tài “**Bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới**” là hết sức cần thiết, vừa đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn bảo vệ ANQG, vừa góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận khoa học chính trị về bảo đảm ANCT trên các địa bàn chiến lược, phục vụ trực tiếp cho công tác lãnh đạo, quản lý và hoạch định chính sách trong giai đoạn tới.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu tổng quát: Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn, đánh giá thực trạng bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên; trên cơ sở đó đề xuất giải pháp chủ yếu bảo đảm ANCT trong bối cảnh mới.

- Mục tiêu cụ thể: *Một là*, Hệ thống hóa và làm rõ những vấn đề lý luận về ANCT và bảo đảm ANCT; *Hai là*, Phân tích đặc điểm địa bàn và các thách thức đối với ANCT ở Tây Nguyên; *Ba là*, Đánh giá thực trạng, chỉ ra hạn chế và vấn đề đặt ra; *Bốn là*, Đề xuất định hướng và giải pháp bảo đảm ANCT trong thời gian tới

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Một là, tổng quan các công trình khoa học trong và ngoài nước liên quan đến đề tài; xác định khoảng trống nghiên cứu và những vấn đề luận án cần tập trung làm rõ.; *Hai là*, xây dựng khung lý luận và thực tiễn bảo đảm ANCT ở Tây Nguyên; *Ba là*, Khảo sát, thu thập và xử lý dữ liệu, đánh giá thực trạng giai đoạn 2011–7/2025; *Bốn là*, Dự báo xu hướng, đề xuất quan điểm và giải pháp bảo đảm ANCT trong bối cảnh mới.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu: Hoạt động bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới dưới góc độ khoa học chính trị. Làm rõ chủ thể, nội dung, cơ chế, phương thức bảo đảm ANCT và vai trò của các chủ thể trong HTCT, LLVT và Nhân dân..

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu lý luận và thực tiễn bảo đảm ANCT trong điều kiện toàn cầu hóa, CMCN 4.0, biến đổi KT – XH, đặc điểm dân tộc – tôn giáo, sắp xếp đơn vị hành chính; các thách thức ANPTT và hoạt động chống phá của các TLTD trong và ngoài nước. Trên cơ sở đó, luận án làm rõ nội dung, cơ chế, phương thức và các yếu tố chi phối công tác bảo đảm ANCT trong điều kiện mới.

- Về không gian: địa bàn 05 tỉnh Tây Nguyên: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng đến trước tháng 7/2025.

- Về thời gian: Luận án khảo sát, phân tích và đánh giá thực tiễn hoạt động bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong giai đoạn từ năm 2011 đến trước tháng 7 năm 2025.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1 Cơ sở lý luận và phương pháp luận: Luận án dựa trên chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng về bảo vệ ANQG, giữ vững ANCT gắn với phát triển bền vững và củng cố “thế trận lòng dân”, đặc biệt trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên. Đồng thời vận dụng các lý thuyết về ANPTT, quản trị an ninh, HTCT và quản lý xung đột để phân tích cơ chế phối hợp giữa các chủ thể và kiểm soát các vấn đề phức tạp về ANCT.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng cách tiếp cận liên ngành trong khoa học chính trị, kết hợp chặt chẽ các phương pháp nghiên cứu nhằm bảo đảm tính khoa học, hệ thống và thực tiễn trong nghiên cứu hoạt động bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên. Bao gồm: Tổng kết thực tiễn; Phân tích – tổng hợp; Lịch sử – logic; Thống kê mô tả và so sánh; Điều tra xã hội học (khảo sát 500 phiếu tại 5 tỉnh, thu 486 phiếu hợp lệ, xử lý bằng SPSS); Tham vấn chuyên gia. Các phương pháp nghiên cứu được vận dụng linh hoạt, bổ trợ lẫn nhau và gắn trực tiếp với nội dung, kết cấu của từng chương trong luận án.

5. Đóng góp mới của Luận án

Thứ nhất, xây dựng khung lý thuyết tích hợp về bảo đảm ANCT trong bối cảnh mới, tiếp cận từ góc độ khoa học chính trị, coi bảo đảm ANCT là hoạt động tổng hợp của toàn bộ HTCT và Nhân dân, gắn với phát triển bền vững vùng Tây Nguyên.

Thứ hai, cung cấp dữ liệu thực chứng quy mô 500 phiếu khảo sát (486 hợp lệ) tại 5 tỉnh Tây Nguyên, làm rõ thực trạng, những vấn đề mới phát sinh và tác động của sắp xếp đơn vị hành chính, biến đổi xã hội và các thách thức ANPTT.

Thứ ba, nhận diện các nhân tố chi phối ANCT trong điều kiện mới, làm rõ cơ chế phát sinh “khoảng trống” quản trị và đề xuất hệ thống giải pháp tổng thể, khả thi nhằm bảo đảm vững chắc ANCT gắn với phát triển bền vững Tây Nguyên.

6. Ý nghĩa của đề tài luận án

- *Ý nghĩa lý luận:* 1. Góp phần hệ thống hóa và phát triển cơ sở lý luận về ANQG, ANCT; 2. Làm rõ vai trò của ANCT Tây Nguyên đối với ổn định chính trị – xã hội và phát triển bền vững; 3. Bổ sung nhận thức về mối quan hệ giữa bảo đảm ANCT và phát triển vùng trong bối cảnh mới.

- *Ý nghĩa thực tiễn:* Luận án Cung cấp dữ liệu thực chứng phục vụ hoạch định chính sách; là tài liệu tham khảo cho giảng dạy, nghiên cứu; đồng thời gợi mở giải pháp khả thi cho HTCT và lực lượng chức năng trong quản trị, bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình khoa học, tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án được bố cục 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu về cơ sở lý luận và cách tiếp cận đối với bảo đảm An ninh chính trị

Các công trình tiêu biểu (Habermas, Buzan, Romm, Katzenstein, Freedman, Brzezinski...) thống nhất ở nhận thức: ANCT là quá trình động, phụ thuộc đồng thuận xã hội, hiệu quả quản trị và năng lực thích ứng; đồng thời chịu tác động mạnh của bối cảnh địa - chính trị và cạnh tranh quyền lực. Nghiên cứu trong nước (Nguyễn Văn Hưởng, Phan Duy Quang, Mai Thị Hồng Liên, Tô Lâm...) phát triển nội hàm ANQG/ANCT theo hướng toàn diện, gắn ổn định với phát triển, “thể trận lòng dân”, an ninh tư tưởng và không gian mạng; nhấn mạnh vai trò nòng cốt của CAND và sự tham gia của toàn HTCT.

1.1.2. Nhóm Công trình nghiên cứu về thực trạng bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

Nhóm công trình về Tây Nguyên tập trung làm rõ đặc thù địa bàn; tính phức hợp dân tộc – tôn giáo; tác động của đất đai, sinh kế, di cư, an sinh; hoạt động của FULRO và sự lợi dụng tôn giáo của TLTD. Tiêu biểu có các tác giả: Gerald C. Hickey, Nông Văn Lưu, Trần Xuân Dung, Nguyễn Văn Thuận, Hoàng Kông Tư, Nguyễn Văn Minh, Mai Thị Hồng Liên, Triệu Văn Bình, Nguyễn Khắc Khánh, Thái Đại Ngọc. Các nghiên cứu về HTCT cơ sở, dân vận, quản lý xung đột, an sinh xã hội khẳng định: ổn định ANCT ở Tây Nguyên được quyết định trước hết ở cơ sở; quản trị yếu kém có thể chuyển hóa mâu thuẫn thành “điểm nóng”..

1.1.3. Nhóm công trình nghiên cứu về quan điểm, giải pháp và mô hình bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên

Các công trình về quản trị an ninh, “thể trận an ninh nhân dân”, bảo vệ chính trị nội bộ, cơ chế phối hợp lực lượng và phòng ngừa rủi ro nhấn mạnh yêu cầu tiếp cận tổng thể, huy động sức mạnh toàn dân, vai trò nòng cốt của CAND/LLVT, gắn bảo đảm ANCT với phát triển KT – XH và củng cố “thể trận lòng dân”. Tiêu biểu có các tác giả: Đặng Văn Hiếu, Bùi Quảng Bạ, Phí Đức Tuấn, Bùi Trung Thành, Mai Quang Hiện, Tô Lâm, Ksor H’Bơ Kháp, Nguyễn Sĩ Hòa, Hoàng Kông Tư, Bùi Trung Hiếu. Các nghiên cứu này đồng thời đặt ra yêu cầu mới về phòng ngừa chiến lược trong điều kiện chuyển đổi số và thách thức ANPTT.

1.2. GIÁ TRỊ CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ TỔNG QUAN ĐỐI VỚI ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.2.1. Giá trị các công trình tổng quan liên quan đến đề tài luận án

Hệ thống nghiên cứu hiện có: ⁽¹⁾ cung cấp nền tảng lý luận mở rộng nội hàm ANCT theo hướng toàn diện, đa chiều; ⁽²⁾ làm rõ tác động của môi trường quốc tế và cạnh tranh quyền lực đến ANCT quốc gia; ⁽³⁾ phát triển tiếp cận ANCT phù hợp Việt Nam, nhấn mạnh gắn ổn định với phát triển bền vững và “thế trận lòng dân”; ⁽⁴⁾ cung cấp tư liệu thực chứng phong phú về đặc thù Tây Nguyên và cơ chế phát sinh nguy cơ; ⁽⁵⁾ định hình khung giải pháp về thế trận an ninh nhân dân, bảo vệ nội bộ và phối hợp lực lượng. Tuy nhiên, phần lớn nghiên cứu còn theo “lát cắt” riêng lẻ, thiếu tiếp cận tích hợp đặt Tây Nguyên trong bối cảnh mới.

1.2.2. Những khoảng trống luận án tập trung nghiên cứu

Thứ nhất, thiếu khung phân tích tổng hợp phản ánh đầy đủ cơ chế vận động ANCT Tây Nguyên trong chỉnh thể phức hợp.

Thứ hai, chưa có nghiên cứu toàn diện về vai trò và cơ chế phối hợp của toàn HTCT, MTTQ, già làng/người uy tín, chức sắc tôn giáo và Nhân dân bên cạnh LLVT/CAND.

Thứ ba, việc vận dụng các lý thuyết hiện đại (ANPTT, quản trị rủi ro...) còn hạn chế; giải pháp còn thiên về xử lý sự vụ, thiếu tính phòng ngừa chiến lược.

Thứ tư, chưa có nghiên cứu liên thông từ lý luận đến thực tiễn và hệ thống giải pháp cho giai đoạn đủ dài, đặc biệt 2011–2025.

Thứ năm, thiếu nghiên cứu chuyên sâu về bảo đảm ANCT trên không gian mạng gắn với đặc thù Tây Nguyên và năng lực quản trị rủi ro thông tin ở cấp địa phương.

Tiểu kết Chương 1

Chương 1 đã tổng quan có hệ thống các nghiên cứu trong và ngoài nước về ANCT và bảo đảm ANCT, cho thấy xu hướng chuyển từ tiếp cận an ninh truyền thống sang cách tiếp cận toàn diện, gắn ổn định chính trị với đồng thuận xã hội, hiệu quả quản trị và phát triển bền vững. Các nghiên cứu cũng khẳng định tác động ngày càng rõ của bối cảnh quốc tế, chuyển đổi số và thách thức phi truyền thống đối với ANCT.

Đối với Tây Nguyên, nhiều công trình đã làm rõ đặc thù dân tộc – tôn giáo, nguy cơ chuyển hóa từ bất cập phát triển thành điểm nóng chính trị – xã hội và vai trò quyết định của HTCT cơ sở, “thế trận lòng dân”. Tuy nhiên, phần lớn vẫn tiếp cận theo từng lát cắt riêng lẻ, thiếu khung phân tích tích hợp trong bối cảnh mới. Từ đó, luận án xác định hướng tiếp cận tổng thể, xây dựng khung lý luận và phân tích thống nhất nhằm trong chương 2 của đề tài.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN HIỆN NAY

2.1. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN

2.1.1. Khái niệm an ninh, an ninh chính trị và an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

2.1.1.1. Khái niệm an ninh và an ninh quốc gia

- *An ninh*: An ninh được tiếp cận như trạng thái ổn định, an toàn và quá trình chủ động phòng ngừa, phát hiện, xử lý nguy cơ đe dọa sự tồn tại và phát triển của cá

nhân, cộng đồng, quốc gia. An ninh khác với trật tự, an toàn ở chỗ gắn với mối đe dọa có chủ ý nhằm vào nền tảng chính trị-xã hội và tính chính danh của quyền lực. Khái niệm sử dụng trong luận án: *An ninh là trạng thái ổn định và an toàn của cá nhân, tổ chức, quốc gia, dân tộc, rộng hơn là toàn nhân loại, trong môi trường đó không tồn tại hoặc bị chi phối bởi các nguy cơ đe dọa, uy hiếp bởi bất cứ yếu tố nào.*

- *An ninh quốc gia*: là hình thái đặc thù của an ninh trong khuôn khổ quốc gia, nhà nước, gắn với tồn vong của cộng đồng chính trị có chủ quyền; vừa bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, chế độ chính trị, vừa bao hàm ổn định và phát triển bền vững trước các đe dọa truyền thống và phi truyền thống.

Từ điển Bách khoa Công an nhân dân Việt Nam (2005) định nghĩa: “*An ninh quốc gia là sự ổn định và phát triển bền vững của chế độ xã hội, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và các lợi ích quan trọng khác của một quốc gia*” [18, tr.24]. Trên bình diện pháp lý, Điều 3 Luật An ninh quốc gia năm 2004 xác định: “*ANQG là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc*” [92, tr.8].

Trên cơ sở kế thừa các quan điểm lý luận và căn cứ pháp lý nêu trên, luận án sử dụng thông nhất định nghĩa sau: *ANQG là trạng thái ổn định và phát triển bền vững của quốc gia, trong đó chế độ chính trị, Nhà nước, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và các lợi ích sống còn của quốc gia được bảo vệ vững chắc trước các nguy cơ, thách thức; trạng thái đó được bảo đảm dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước và sự tham gia của toàn bộ HTCT và nhân dân.*

2.1.1.2. Khái niệm an ninh chính trị và bảo đảm an ninh chính trị

Từ điển Bách khoa Công an nhân dân (2005) định nghĩa: “*An ninh chính trị là sự ổn định và phát triển bền vững của chế độ chính trị; là nội dung chủ yếu của an ninh quốc gia; bao gồm sự ổn định chính trị, nền tảng tư tưởng, thể chế chính trị, quyền lãnh đạo của Đảng, an toàn nội bộ và việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước được bảo đảm*” [18, tr.20]. Định nghĩa này không chỉ xác lập vị trí trung tâm của ANCT trong cấu trúc ANQG, mà còn chỉ ra rõ các thành tố cấu thành ANCT, từ tư tưởng, thể chế đến quá trình thực thi quyền lực chính trị. “*bảo vệ an ninh chính trị là các hoạt động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động xâm hại sự ổn định và phát triển bền vững của chế độ chính trị; là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn bộ hệ thống chính trị và toàn xã hội, trong đó Công an nhân dân giữ vai trò nòng cốt*” [18, tr.20]. Cách tiếp cận này cho phép phân biệt rõ giữa ANCT với tư cách là trạng thái cần đạt tới và bảo đảm ANCT với tư cách là quá trình chính trị - xã hội nhằm duy trì trạng thái đó.

Trên cơ sở kế thừa và phát triển các quan điểm nêu trên, luận án xác định khái niệm làm việc sử dụng xuyên suốt như sau: *An ninh chính trị là bộ phận cốt lõi của ANQG, phản ánh trạng thái ổn định và sự phát triển bền vững của chế độ chính trị, trong đó quyền lực nhà nước được tổ chức và thực thi có hiệu lực, hiệu quả; nền tảng tư tưởng, thể chế chính trị, trật tự chính trị - xã hội và niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước được giữ vững trước mọi nguy cơ, thách thức. Bảo đảm an ninh chính trị là toàn bộ hoạt động của HTCT và Nhân dân nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các nguy cơ xâm hại, qua đó duy trì và củng cố trạng thái ANCT trong những điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể.*

2.1.2. Khái niệm bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới

ANCT trên địa bàn Tây Nguyên được xác định là trạng thái ổn định vững chắc của vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và khối đại đoàn kết

các dân tộc tại khu vực chiến lược này được xác định là trạng thái ổn định, vững chắc của hệ thống chính trị tại khu vực chiến lược này, trong đó vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và khối đại đoàn kết các dân tộc được bảo đảm.

Hoạt động bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên là quá trình chủ động, có tổ chức và mang tính quyền lực - pháp lý nhằm phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn các nguy cơ xâm hại đến chế độ chính trị, độc lập, chủ quyền và ổn định xã hội, dựa trên sự phát huy vai trò của toàn bộ HTCT, LLVT và quần chúng Nhân dân.

Bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới là quá trình hoạt động tổng hợp, thường xuyên và chủ động của toàn bộ HTCT, LLVT và quần chúng Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhằm phòng ngừa, phát hiện, kiểm soát và xử lý kịp thời các nguy cơ xâm hại đến nền tảng tư tưởng, thể chế chính trị, trật tự chính trị - xã hội và khối đại đoàn kết các dân tộc qua đó duy trì ổn định chính trị, phát huy “thế trận lòng dân” và tạo nền tảng vững chắc cho phát triển bền địa bàn Tây Nguyên

2.2. CHỦ THỂ, NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN

2.2.1. Chủ thể, lực lượng bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

Bảo đảm ANCT là nhiệm vụ của toàn HTCT và Nhân dân, trong đó:

Cấp ủy, chính quyền: chủ thể lãnh đạo, quản trị trực tiếp; năng lực xử lý từ cơ sở - quyết định mức độ ổn định.

- LLVT (nòng cốt CAND, phối hợp QĐND, BDBP...): nắm tình hình, dự báo, phòng ngừa, đấu tranh, xử lý vụ việc; bảo đảm đúng pháp luật và hiệu quả.

- MTTQ và các đoàn thể: tập hợp, vận động, giám sát, hòa giải; xây dựng đồng thuận xã hội.

- Già làng/người uy tín, chức sắc tôn giáo hợp pháp: “cầu nối cộng đồng”, định hướng dư luận, hòa giải, ngăn bị kích động.

- Nhân dân: chủ thể trung tâm; “thế trận lòng dân” là nền tảng bền vững của ANCT.

2.2.2. Nội dung cốt lõi bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

Tập trung 5 nhóm nội dung:

- An ninh thể chế: giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản trị; xây dựng HTCT trong sạch; kiểm soát quyền lực; phòng ngừa suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

- An ninh tư tưởng-văn hóa: bảo vệ nền tảng tư tưởng; củng cố niềm tin, đồng thuận; chủ động truyền thông tích cực, phản bác luận điệu sai trái phù hợp địa bàn.

- Ổn định chính trị-xã hội ở cơ sở: gắn bảo đảm ANCT với phát triển KT-XH, giảm nghèo, dịch vụ công; đối thoại, giải quyết kịp thời bức xúc dân sinh.

- Quản trị vấn đề dân tộc-tôn giáo-sinh kế-an sinh: tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng; kiên quyết xử lý lợi dụng; củng cố đại đoàn kết.

- Phòng ngừa AN truyền thống và ANPTT, nhất là không gian mạng: bảo vệ hạ tầng thông tin, dữ liệu; xử lý tin giả/xấu độc; nâng kỹ năng số cho cán bộ và người dân.

2.2.3. Phương thức bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

- Triển khai tổng hợp “xây” là cơ bản, “chống” là kịp thời; trọng tâm phòng ngừa từ sớm, từ cơ sở:

- Lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng: cụ thể hóa nghị quyết, kiểm tra-giám sát, gắn ANCT với phát triển.

- Quản lý nhà nước: thể chế hóa, điều hành, thanh tra-kiểm tra; quản trị các

lĩnh vực nhạy cảm (đất đai, di cư, tôn giáo, an sinh...).

- Nghiệp vụ của LLVT: nắm tình hình, dự báo, xử lý “điểm nóng”, bảo đảm đúng pháp luật.

- Dân vận, xây dựng “thế trận lòng dân”: vận động, hòa giải; phát huy MTTQ, đoàn thể, người uy tín.

- Truyền thông và chuyển đổi số: giám sát–phân tích thông tin, phản bác trọng tâm, cung cấp thông tin chính thống, phối hợp liên ngành.

2.2.4. Tiêu chí đánh giá bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

2.2.4.1. Tiêu chí đánh giá theo nhóm chủ thể bảo đảm an ninh chính trị

- Cấp ủy/chính quyền: năng lực lãnh đạo–điều hành; cụ thể hóa chủ trương; kiểm tra–giám sát; phối hợp; xử lý kịp thời vấn đề nhạy cảm.

- LLVT (nòng cốt CAND): nắm tình hình, dự báo; hiệu quả phòng ngừa–đấu tranh; phối hợp lực lượng; gắn nghiệp vụ với dân vận.

- MTTQ/đoàn thể: hiệu quả vận động, hòa giải; giám sát–phản biện; tạo kênh đối thoại xã hội.

- Nhân dân/cộng đồng: tham gia tự quản; mức độ tin cậy, hợp tác; khả năng “miễn dịch” trước tin giả, kích động.

2.2.4.2. Tiêu chí đánh giá theo nội dung bảo đảm an ninh chính trị

- Thể chế: vận hành thông suốt; kỷ cương; hiệu lực quản trị; phối hợp liên ngành.

- Tư tưởng: hiệu quả tuyên truyền–định hướng; khả năng “kháng nhiễu” thông tin; hiệu quả phản bác quan điểm thù địch.

- KT–XH gắn ANCT: lồng ghép ANCT trong phát triển; giảm bức xúc; sinh kế, việc làm, an sinh.

- Dân tộc–tôn giáo: đoàn kết cộng đồng; năng lực xử lý điểm nhạy cảm; phát huy người uy tín/chức sắc hợp pháp.

- Không gian mạng: năng lực quản trị thông tin; xử lý tin giả/xấu độc; nâng kỹ năng số.

2.2.4.3. Tiêu chí nhận diện hạn chế và phân loại nguyên nhân

Phân loại 3 nhóm: chủ quan (năng lực chủ thể, phối hợp), khách quan (đặc điểm địa bàn, biến động xã hội), cấu trúc–thể chế (bất cập chính sách, phân cấp, nguồn lực, cơ chế phối hợp).

2.2.4.5. Tiêu chí xác định những vấn đề đặt ra trong bối cảnh mới

Dựa vào: (i) tính mới và phức hợp nguy cơ; (ii) tốc độ lan truyền, khó dự báo, nhất là trên mạng; (iii) yêu cầu đổi mới quản trị theo hướng phòng ngừa chiến lược, liên ngành, kết hợp “cứng–mềm”, củng cố đồng thuận và “thế trận lòng dân”.

2.3. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN

2.3.1. Các yếu tố đặc thù về địa bàn và xã hội tác động đến bảo đảm an ninh chính trị ở Tây Nguyên

2.3.1.1. Vị trí chiến lược của Tây Nguyên về quốc phòng, an ninh và yêu cầu đặt ra đối với bảo đảm an ninh chính trị

Tây Nguyên có diện tích khoảng 54.474 km² (trên 16% diện tích cả nước), giữ vị trí trung tâm dãy Trường Sơn Nam, là “phên giậu phía Tây” với gần 580 km đường biên giới giáp Lào và Campuchia. Mọi biến động an ninh tại đây đều có khả năng lan tỏa ra Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và toàn quốc. Toàn vùng có hơn 2 triệu ha đất bazan (khoảng 66% cả nước), trữ lượng bô xít khoảng 5,0 tỷ tấn, chiếm gần 50% trữ

lượng quốc gia [12, tr.2]. Tuy nhiên, địa hình rộng, chia cắt; quản lý đất đai, tài nguyên và sinh kế còn bất cập làm gia tăng nguy cơ khiếu kiện, xung đột lợi ích.

Việc sắp xếp đơn vị hành chính từ 01/7/2025 (toàn vùng còn 3 tỉnh; Kon Tum sáp nhập vào Quảng Ngãi) làm thay đổi không gian quản trị [11], đặt ra yêu cầu bảo đảm ANCT gắn với tổ chức bộ máy, phân bổ nguồn lực minh bạch, hài hòa lợi ích cộng đồng.

Vị trí chiến lược khiến bảo đảm ANCT ở Tây Nguyên phải đặt trong tổng thể quốc phòng, an ninh biên giới và phát triển bền vững.

2.3.1.2 Đặc điểm dân tộc, tôn giáo đa dạng, đan xen và những tác động đến bảo đảm an ninh chính trị ở Tây Nguyên

Tây Nguyên có khoảng 5,9 triệu người, 54 dân tộc; đồng bào DTTS chiếm gần 38%. Toàn vùng có khoảng 2,3 triệu tín đồ tôn giáo (38,6% dân số), trong đó tỷ lệ DTTS trong Tin lành khoảng 89,5%; Công giáo có hơn 1,15 triệu giáo dân, DTTS chiếm 44,1% [M1, Phụ lục 5].

Di cư tự do làm thay đổi tương quan dân cư; giai đoạn 2005–2017 có 59.228 hộ/218.632 nhân khẩu di cư ngoài kế hoạch; đến cuối 2018 còn trên 22.000 hộ chưa bố trí ổn định. Giai đoạn 2011–6/2022 xảy ra 574 vụ vượt biên trái phép với hơn 4.300 người DTTS [66]. Một số tổ chức phản động lợi dụng vấn đề dân tộc – tôn giáo để kích động ly khai (các vụ việc 2001, 2004, 2008, 2023...) [139], [140], [142].

Cấu trúc dân tộc – tôn giáo đan xen vừa là nền tảng đại đoàn kết, vừa tiềm ẩn nguy cơ bị “chính trị hóa” nếu quản trị yếu kém.

2.3.2. Những yếu tố kinh tế - xã hội tác động trực tiếp đến an ninh chính trị ở Tây Nguyên

Bộ Chính trị khẳng định phát triển KT–XH là cơ sở giữ vững ổn định chính trị (NQ 10-NQ/TW; KL 12-KL/TW; NQ 23-NQ/TW). GRDP toàn vùng tăng từ 20,3 nghìn tỷ đồng (2002) lên 287 nghìn tỷ (2020) và ước trên 415 nghìn tỷ (2024); tăng trưởng bình quân 7,5–8%/năm. Tuy nhiên, đóng góp GDP chỉ khoảng 3,5% cả nước; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 58% mức trung bình quốc gia.

2.3.2.1. Chênh lệch trình độ phát triển và bất bình đẳng trong tiếp cận cơ hội, dịch vụ xã hội

Tỷ lệ hộ nghèo 11,19%, trong đó DTTS chiếm 27,98%; DTTS tại chỗ 32,81% [141, tr.10–11]. Ở Đắk Lắk (2019), hộ nghèo DTTS chiếm 63,88% tổng số hộ nghèo [139, tr.2–3]. Bất bình đẳng kéo dài dễ tạo tâm lý so sánh thiệt hơn, bị lợi dụng kích động, tác động trực tiếp đến ANCT.

2.3.2.2. Di cư và biến đổi cơ cấu dân cư - lao động ở Tây Nguyên

Giai đoạn 2011–6/2022 có 523 hộ/2.783 khẩu người Mông di cư vào Tây Nguyên; 309 hộ/1.370 khẩu quay lại hoặc vượt biên [121, tr.18–19]. Di cư tự phát vượt khả năng quản lý ở một số địa bàn; phát sinh tội phạm, tranh chấp đất đai, khó khăn tiếp cận dịch vụ công, tạo “khoảng trống” quản trị. Di cư nếu không quản lý đồng bộ sẽ làm gia tăng rủi ro ANCT từ cơ sở.

2.3.2.3. Hạn chế trong quản trị đất đai, tài nguyên và môi trường

Toàn vùng có 180 công ty nông – lâm nghiệp quản lý 2.655.063 ha đất (48,59% diện tích tự nhiên). Có khoảng 52.940 hộ thiếu đất sản xuất, trong đó 32.006 hộ là DTTS. Giai đoạn 2001–2018 ghi nhận 396 vụ tranh chấp đất đai phức tạp; khiếu kiện đất đai chiếm khoảng 67,7% tổng số vụ việc khiếu nại, tố cáo [16, tr.80–81]. Diện tích rừng tự nhiên còn khoảng 2.246.068 ha; giai đoạn 2016–2020 giảm 312.416 ha, trữ lượng giảm hơn 25,5 triệu m³ [50]. Đất đai gắn với sinh kế và bản sắc cộng đồng; quản trị thiếu minh bạch dễ chuyển hóa mâu thuẫn kinh tế thành vấn đề ANCT.

2.3.3. Chất lượng lãnh đạo của cấp ủy, hiệu lực quản lý nhà nước và phối hợp lực lượng là nhân tố quyết định đối với bảo đảm an ninh chính trị ở Tây Nguyên

Thực tiễn cho thấy nơi nào cấp ủy lãnh đạo sát dân, chính quyền quản lý minh bạch, phối hợp LLVT chặt chẽ thì giữ vững ổn định; ngược lại, quản trị yếu kém làm tích tụ bức xúc, bị TLTĐ lợi dụng “chính trị hóa”. Cơ chế phối hợp theo Nghị định 03/2019/NĐ-CP và phát huy vai trò già làng, người uy tín, chức sắc tôn giáo là điều kiện củng cố “thế trận lòng dân”. Năng lực lãnh đạo, quản trị và phối hợp lực lượng quyết định khả năng hấp thụ và hóa giải rủi ro ANCT.

2.3.4. Hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, kết hợp với tác động ngày càng mạnh của không gian mạng, làm gia tăng tính phức tạp, khó lường, đặt ra nhiều thách thức mới đối với bảo đảm an ninh chính trị

Không gian mạng làm thay đổi phương thức chống phá: lan truyền nhanh, phân tán đa nền tảng, khó kiểm soát. Tỷ lệ hộ có Internet ở Tây Nguyên khoảng 63–65% (thấp hơn mức trên 75% toàn quốc); hộ DTTS có Internet khoảng 46%, hộ có máy tính dưới 6%. Giai đoạn 2020–2023 phát hiện, xử lý hơn 3.200 tài khoản, hội nhóm tuyên truyền xuyên tạc; trên 60% có liên hệ tổ chức phản động lưu vong.

- Vụ Cư Kuin (11/6/2023) cho thấy mô hình chống phá “bên ngoài – bên trong – không gian mạng”, gây thương vong và khởi tố nhiều đối tượng về tội khủng bố. Rủi ro ANCT hiện nay mang tính phi tuyến, tích tụ từ rủi ro thông tin và suy giảm niềm tin.

2.3.5. Những biến động phức tạp của tình hình thế giới, khu vực và sự gia tăng các thách thức an ninh phi truyền thống tác động gián tiếp, đa chiều đến nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

Biến động giá nông sản, cạnh tranh chiến lược, đứt gãy chuỗi cung ứng tác động trực tiếp đến sinh kế vùng. Suy giảm rừng, biến đổi khí hậu, hạn hán, tội phạm xuyên biên giới làm gia tăng tranh chấp và rủi ro xã hội; giai đoạn 2011 đến nay xảy ra 574 vụ vượt biên trái phép với hơn 4.300 người DTTS [66]. Các yếu tố ngoại sinh chỉ trở thành thách thức nghiêm trọng khi năng lực quản trị nội tại không đủ mạnh.

Bảo đảm ANCT ở Tây Nguyên chịu tác động tổng hợp của vị trí chiến lược, cấu trúc dân tộc – tôn giáo, chênh lệch phát triển, di cư, quản trị đất đai, hoạt động chống phá và ANPTT. Tuy nhiên, mức độ rủi ro phụ thuộc quyết định vào chất lượng lãnh đạo, hiệu lực quản lý nhà nước và khả năng phối hợp lực lượng, củng cố “thế trận lòng dân” từ cơ sở.

Tiểu kết Chương 2

Chương 2 đã xây dựng nền tảng lý luận cho nghiên cứu bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên, làm rõ các khái niệm cốt lõi và tiếp cận ANCT như một quá trình chính trị – xã hội mang tính động, gắn với năng lực của Nhà nước và HTCT trong phòng ngừa, kiểm soát và hóa giải các nguy cơ đe dọa ổn định chính trị. Bảo đảm ANCT được xác định là hoạt động tổng hợp, lâu dài, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của toàn bộ HTCT cùng Nhân dân.

Trên cơ sở đó, luận án cụ thể hóa nội hàm ANCT trong không gian đặc thù Tây Nguyên với các yếu tố địa chiến lược, dân tộc, tôn giáo, sinh thái và phát triển KT–XH đan xen chặt chẽ. Khung phân tích được xác lập gồm các lĩnh vực: an ninh thể chế; tư tưởng - văn hóa; ổn định KT–XH gắn với ANCT; an ninh dân tộc, tôn giáo; và ANCT trên không gian mạng, làm rõ vai trò trung tâm của Nhân dân và “thế trận lòng dân”.

Về thực tiễn, chương đã phân tích các nhóm yếu tố tác động chủ yếu đến

ANCT ở Tây Nguyên như vị trí chiến lược, cơ cấu dân tộc – tôn giáo, chênh lệch phát triển, di cư, quản trị đất đai – tài nguyên, hoạt động chống phá và tác động của không gian mạng. Đồng thời, làm rõ cơ chế chuyển hóa từ các vấn đề KT-XH và quản trị thành thách thức ANCT khi năng lực lãnh đạo và quản lý không theo kịp yêu cầu, qua đó tạo nền tảng cho việc đánh giá thực trạng ở chương tiếp theo.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG THỜI GIAN QUA

3.1. THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN HIỆN NAY

3.1.1. Những thành tựu trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

3.1.1.1. Thực trạng vai trò của các chủ thể trong bảo đảm an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên

- Vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

Thực tiễn cho thấy vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý nhà nước là nhân tố quyết định trong bảo đảm ANCT ở Tây Nguyên. Hệ thống nghị quyết như 44-NQ/TW, 35-NQ/TW (2018), 23-NQ/TW (2022) và Nghị quyết 152/NQ-CP (2022) đã tạo khung chỉ đạo thống nhất giữa phát triển KT-XH với QP-AN. Các tỉnh chủ động cụ thể hóa bằng chương trình dân vận, đối thoại, giải quyết khiếu kiện, phát triển nguồn nhân lực và giảm nghèo bền vững.

Khảo sát cán bộ cho thấy 89,2% đánh giá công tác lãnh đạo bảo đảm ANCT đạt mức “khá tốt” và “rất tốt”, trong đó 30,8% “rất tốt” [A1.1, PL3]; 88,0% đánh giá việc quán triệt nghị quyết hiệu quả [A1.2]; 84,1% đánh giá phối hợp liên ngành tích cực [A1.4]; 78,8% đánh giá tốt công tác kiểm tra, giám sát [A1.3]. Từ phía người dân, 46,0% đánh giá tích cực vai trò lãnh đạo địa phương [A1.1, PL4]; 69,2% thường xuyên nắm được chủ trương ANCT [A2.3].

- Vai trò của lực lượng vũ trang trong bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở Tây Nguyên

LLVT giữ vai trò nòng cốt trong nắm tình hình, xử lý điểm nóng, củng cố “thế trận lòng dân”. 93,5% cán bộ đánh giá LLVT gần dân, hỗ trợ tốt [B1.1]; 89,0% đánh giá cao năng lực dự báo [B1.2]; 95,6% đánh giá phối hợp Công an – Quân đội – Dân quân hiệu quả [B1.4]. Từ phía người dân: 68,8% đánh giá LLVT là lực lượng nòng cốt bảo vệ ANCT [B1.10]; 78,5% ghi nhận phối hợp liên lực lượng tốt [B1.4]. LLVT thực hiện hiệu quả vai trò “kép”: bảo vệ ANQG và củng cố ổn định xã hội.

- Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong bảo đảm an ninh chính trị ở Tây Nguyên

MTTQ giữ vai trò trung tâm vận động quần chúng, giám sát và hòa giải cơ sở. Giai đoạn 2019-2023 toàn vùng hỗ trợ hàng chục nghìn nhà Đại đoàn kết; riêng Đắk Lắk huy động gần 393,8 tỷ đồng và hiến hơn 454.000 m² đất. Kết quả khảo sát cho thấy, 68,0% người dân đánh giá vai trò MTTQ ở mức “tốt” và “rất tốt” [C1.1, PL4]; 45,6% “rất tin tưởng” lực lượng già làng, người có uy tín [C1.9]. Bảo đảm ANCT được triển khai theo phương thức dựa vào cộng đồng.

- Vai trò của Nhân dân trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

Nhân dân ngày càng tham gia chủ động vào bảo đảm ANCT. 69,2% thường xuyên nắm chủ trương [A2.3]; 62,8% đánh giá mô hình tự quản hiệu quả [A1.10]; 60,4% ghi nhận hòa giải cơ sở hiệu quả [D1.6]. Trên không gian mạng, 40,8% từng tiếp cận tin sai; 37,2% phản ánh với cán bộ; 13,6% từng chia sẻ tin giả [D1.2]. Nhân dân là chủ thể trung tâm của thể trận ANND, song kỹ năng số còn hạn chế.

3.1.1.2. Thực trạng nội dung và phương thức bảo đảm an ninh chính trị ở Tây Nguyên

- Bảo đảm an ninh thể chế trên địa bàn Tây Nguyên

Trong những năm qua, cùng với phát triển KT–XH, HTCT ở Tây Nguyên từng bước được củng cố, vận hành ổn định, tạo nền tảng quan trọng giữ vững ANCT. Thực tiễn này phù hợp tinh thần Nghị quyết số 23-NQ/TW (06/10/2022) của Bộ Chính trị, nhấn mạnh yêu cầu giữ vững ổn định chính trị – xã hội và xây dựng HTCT vững mạnh từ cơ sở. Trên cơ sở đó, các tỉnh trong vùng đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch củng cố tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành, nhất là ở cấp cơ sở. Khảo sát cho thấy 89,2% cán bộ đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo bảo đảm ANCT đạt mức “khá tốt” và “rất tốt”, trong đó 30,8% “rất tốt”; tỷ lệ “trung bình” và “yếu” chỉ 8,7% và 2,1% [A1.1, Phụ lục 3]. Đồng thời, 88,0% đánh giá việc quán triệt, triển khai nghị quyết được thực hiện nghiêm túc [A1.2, Phụ lục 3]. Kết quả này phản ánh sự ổn định của an ninh thể chế không chỉ ở hình thức tổ chức, mà trong thực tiễn vận hành của HTCT, phù hợp yêu cầu tại Chỉ thị 23-CT/TW (2018) và Kết luận 21-KL/TW (2021).

Công tác kiểm tra, giám sát và phối hợp liên ngành tiếp tục được tăng cường. 78,8% cán bộ đánh giá công tác kiểm tra, giám sát đạt mức tích cực [A1.3, Phụ lục 3]; 84,1% đánh giá hiệu quả phối hợp liên ngành tốt [A1.4, Phụ lục 3]. Về cơ chế phối hợp, 90,4% đánh giá quy chế phối hợp được thực hiện tốt, trong đó 35,9% “rất tốt” [A1.5, Phụ lục 3]; 94,8% đánh giá khả năng xử lý tình huống phức tạp ở mức tích cực [A1.6]; 93,7% ghi nhận phối hợp Công an – Quân đội – Dân quân tự vệ hiệu quả [A1.7]. Nhận định chuyên gia cũng cho rằng việc tăng cường trao đổi thông tin, hiệp đồng và diễn tập xử lý tình huống đã nâng cao năng lực kiểm soát rủi ro ANCT trên địa bàn [M1.4, Phụ lục 5].

An ninh thể chế ở Tây Nguyên được củng cố thông qua sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, hiệu lực quản lý nhà nước và cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các chủ thể trong HTCT, góp phần nâng cao khả năng phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các nguy cơ, hạn chế hình thành “điểm nóng” về ANCT trên địa bàn.

- Bảo đảm an ninh tư tưởng trên địa bàn Tây Nguyên

An ninh văn hóa – tư tưởng tiếp tục được xác định là mặt trận trọng yếu trong bảo đảm ANCT ở Tây Nguyên, phù hợp tinh thần Đại hội XIII và Nghị quyết 35-NQ/TW (2018) về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Các cấp ủy, chính quyền trong vùng đã triển khai đồng bộ công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị – tư tưởng, gắn với chính sách dân tộc, tôn giáo và phát triển KT–XH, nhằm củng cố niềm tin của Nhân dân và phòng ngừa nguy cơ phức tạp về ANCT.

Khảo sát cho thấy 90,9% cán bộ đánh giá công tác tuyên truyền đạt mức “khá tốt” và “rất tốt” (57,2% “khá tốt”, 33,7% “rất tốt”) [E1.1, Phụ lục 3]. Đồng thời, 86,9% đánh giá hoạt động đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch đạt mức tích cực [E1.2, Phụ lục 3]. Điều này cho thấy an ninh tư tưởng không chỉ dừng ở phản bác, mà còn ở nâng cao chất lượng truyền thông chính sách và củng cố nền tảng nhận thức chính trị trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và cộng đồng [M3.4, Phụ lục 7]. Từ phía xã hội, 46,0% người dân đánh giá mức độ quan tâm của chính quyền đối với

ANCT ở mức “tốt” và “rất tốt”, trong khi 32,4% đánh giá “trung bình” [B1.3, Phụ lục 4]. Người dân chủ yếu tiếp cận thông tin qua các kênh chính thống và thiết chế cộng đồng như báo chí, họp thôn, buôn, sinh hoạt cộng đồng [B2.1, Phụ lục 4]. Tuy nhiên, mức độ tiếp nhận thông tin phản bác trên mạng xã hội còn hạn chế [A2.3; A2.4, Phụ lục 4], cho thấy cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền để tăng tính thuyết phục và đồng thuận xã hội.

Bảo đảm an ninh tư tưởng ở Tây Nguyên vì vậy phải gắn với xây dựng “thế trận lòng dân”, kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, phát huy vai trò của già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo và lực lượng nòng cốt ở cơ sở, qua đó tạo nền tảng xã hội bền vững cho ổn định chính trị trên địa bàn [M3.4, Phụ lục 7].

- Bảo đảm ổn định KT - XH gắn với an ninh chính trị

Ổn định KT–XH là trụ cột nền tảng của ANCT, đặc biệt tại địa bàn chiến lược như Tây Nguyên. Quan điểm kết hợp chặt chẽ phát triển KT–XH với tăng cường QP–AN được khẳng định trong Nghị quyết 28-NQ/TW (2013), Nghị quyết 23-NQ/TW (2022) và cụ thể hóa qua Nghị quyết 152/NQ-CP (2022). Theo đó, phát triển không chỉ là mục tiêu kinh tế mà còn là giải pháp phòng ngừa nguy cơ mất ổn định chính trị từ bên trong.

Thực tiễn cho thấy việc lồng ghép nhiệm vụ bảo đảm ANCT vào các chương trình phát triển đã mang lại kết quả rõ nét. Kinh tế vùng tiếp tục tăng trưởng, cơ cấu chuyển dịch tích cực với các động lực như nông nghiệp công nghệ cao, thủy điện, khai khoáng và chế biến nông sản. Cùng với đó, hạ tầng, giáo dục, y tế và an sinh xã hội được cải thiện. Riêng Chương trình 135 được bố trí 3.835 tỷ đồng; hỗ trợ nhà ở cho 56.268 hộ; đất ở cho 17.907 hộ (713,38 ha); đất sản xuất cho 72.695 hộ (35.447,53 ha); xây dựng 1.729 công trình nước sinh hoạt; hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 6.575 hộ. Những kết quả này góp phần giảm nguyên nhân tiềm ẩn dẫn đến mâu thuẫn xã hội và củng cố ổn định ở cơ sở.

Khảo sát cho thấy 88,4% cán bộ nhận định phát triển KT–XH tác động tích cực đến ổn định chính trị – xã hội [D1.1, Phụ lục 3]; 91,2% người dân có cùng đánh giá [B1.4, Phụ lục 4]. Điều này cho thấy phát triển KT–XH đã trở thành bộ phận cấu thành của ANCT, chứ không phải lĩnh vực tách rời. Một yếu tố quan trọng là xây dựng “thế trận lòng dân” trong quá trình phát triển. 97,2% người dân đánh giá vai trò già làng, người có uy tín ở mức tích cực (56,4% “rất tốt”) [B2.2, Phụ lục 4]; 98,4% cán bộ khẳng định lực lượng này giữ vai trò quan trọng trong vận động và hòa giải cơ sở [A3.1, Phụ lục 3]. Trong lĩnh vực tôn giáo, 95,6% cán bộ và 73,2% người dân đánh giá tích cực vai trò chức sắc tôn giáo trong giữ gìn ổn định [E2.2, Phụ lục 3; B3.1, Phụ lục 4].

Đội ngũ cán bộ người DTTS cũng được chú trọng đào tạo: 12.024 lượt được đào tạo THPT; 6.239 lượt trung cấp lý luận chính trị; 10.870 lượt chuyên môn; 5.744 lượt bồi dưỡng quản lý; 18.779 lượt cán bộ thôn, buôn được bồi dưỡng kiến thức an ninh trật tự; 5.712 lượt công an xã được huấn luyện. 89,6% cán bộ đánh giá sự tham gia của cán bộ DTTS ở mức “tốt” và “rất tốt” [A4.1, Phụ lục 3]. Điều này góp phần nâng cao năng lực HTCT cơ sở trong phòng ngừa nguy cơ ANCT.

- Bảo đảm an ninh dân tộc và an ninh tôn giáo

Bảo đảm an ninh dân tộc, an ninh tôn giáo là nền tảng của ổn định chính trị – xã hội và giữ vững ANCT ở Tây Nguyên, phù hợp Nghị quyết 23-NQ/TW (06/10/2022) về củng cố đoàn kết và “thế trận lòng dân” từ cơ sở. Thực tiễn cho thấy các lực lượng chức năng đã chủ động đấu tranh, vô hiệu hóa hoạt động lợi dụng dân tộc, tôn giáo để chống phá; bóc gỡ các cấu phần tổ chức và điểm nhóm trái pháp luật.

Từ 2001 đến nay đã phát hiện, bóc gỡ 300 khung tổ chức, 439 điểm nhóm “Tin Lành Đêga” tại Gia Lai và Đắk Lắk; “Hà Môn” cơ bản được giải quyết [143, tr.14]; xóa 28 khung FULRO, vận động 572 người từ bỏ “Tin lành Đêga”. Điều này phản ánh sự chuyển dịch theo hướng chủ động, kết hợp nghiệp vụ với dân vận.

Chính sách dân tộc và chương trình phát triển vùng DTTS được triển khai tương đối đồng bộ, gắn với bảo tồn văn hóa (Cồng chiêng UNESCO; tôn tạo nhà Rông/nhà Dài; lưu truyền sử thi; phục hồi chữ viết và truyền thông đa ngữ). Khảo sát cho thấy phát triển KT–XH được nhìn nhận là “điểm tựa” của ổn định: 86% cán bộ đánh giá tác động tích cực [D1.7, Phụ lục 3], người dân là 59,2% [D1.7, Phụ lục 4]. Vì vậy, an ninh dân tộc cần tiếp cận như “quản trị xã hội” dựa trên đồng thuận và phối hợp của hệ thống [M2.3, Phụ lục 6].

Vai trò già làng, trưởng buôn, người có uy tín tiếp tục nổi bật trong vận động, hòa giải, xử lý từ sớm và xây dựng mô hình tự quản. 88,5% cán bộ đánh giá vai trò lực lượng này ở mức “khá tốt/rất tốt” [E1.4, Phụ lục 3]; 53% người dân thể hiện mức độ tin cậy “tốt/rất tốt” [E1.4, Phụ lục 4]; 45,6% “rất tin tưởng” vai trò Mặt trận, đoàn thể, già làng, người có uy tín và chức sắc tôn giáo trong giữ ổn định cộng đồng [C1.9, Phụ lục 4].

Đời sống tôn giáo nhìn chung ổn định; các tổ chức được công nhận hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Khảo sát ghi nhận 81,7% cán bộ đánh giá tốt vai trò chức sắc trong hướng dẫn tín đồ chấp hành chủ trương, pháp luật [C1.4, Phụ lục 3]; người dân cũng đánh giá tích cực: 66,8% về tác động đoàn kết [C1.5, Phụ lục 4] và 72,8% về vận động “sống tốt đời, đẹp đạo” [C1.4, Phụ lục 4]. Tổng thể cho thấy hiệu quả của cách làm kết hợp quản lý bằng pháp luật với phát huy nguồn lực cộng đồng và tôn giáo chính thống.

- Bảo đảm an ninh chính trị trên không gian mạng

Không gian mạng tác động trực tiếp đến nhận thức và ổn định chính trị – xã hội; Luật An ninh mạng 2018 là cơ sở để triển khai quản lý, định hướng và phòng ngừa theo hướng chủ động. Khảo sát cán bộ cho thấy năng lực quản trị đã hình thành: 75,7% đánh giá tích cực hiệu quả bảo đảm an ninh mạng [D1.9, Phụ lục 3]; 72,8% đánh giá tích cực phòng, chống tin giả/thông tin xấu độc [D1.10, Phụ lục 3]. Ở góc nhìn người dân, 53,2% đánh giá tích cực mức độ an toàn thông tin trên mạng xã hội [D1.9, Phụ lục 4]. Trong 12 tháng qua, 40,8% từng gặp tin sai; 37,2% phản ánh với cán bộ thôn/xã; 13,6% thừa nhận từng chia sẻ tin giả [D1.2, Phụ lục 4]—cho thấy rủi ro còn hiện hữu nhưng phản ứng xã hội đã thận trọng hơn.

Năng lực số của cán bộ cơ sở được tăng cường rõ: 96,8% đánh giá tích cực đào tạo kỹ năng ứng dụng công nghệ số; 95,2% đánh giá tích cực kỹ năng nhận diện, xử lý tin giả [F6.2, Phụ lục 3]. Do đó, hiệu quả bền vững phụ thuộc phối hợp giữa khung pháp lý, năng lực HTCT và sự tham gia của người dân [M1.2, Phụ lục 5; M2.3, Phụ lục 6], trong đó thói quen kiểm chứng và phản ánh kịp thời là then chốt [M3.4, Phụ lục 7].

3.1.1.3. Nguyên nhân của những kết quả đạt được trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

Thứ nhất, sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của cấp ủy Đảng và hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp trên địa bàn Tây Nguyên là nguyên nhân quyết định bảo đảm ANCT.

Thứ hai, phát triển KT - XH trở thành nền tảng vững chắc cho việc bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên.

Thứ ba, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT cơ sở góp phần quan trọng bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên.

Thứ tư, vai trò nòng cốt của LLVT là nhân tố trực tiếp bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên.

Thứ năm, phát huy “thế trận lòng dân” và vai trò của người có uy tín trong cộng đồng tạo nền tảng xã hội vững chắc cho bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên.

Thứ sáu, cơ chế phối hợp liên ngành nhịp nhàng tạo khả năng ứng phó linh hoạt và hiệu quả trong bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên.

3.1.2. Những hạn chế và nguyên nhân trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

3.1.2.1. Những hạn chế chủ yếu trong bảo đảm an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên

Thứ nhất, chất lượng và tính đồng đều của HTCT cơ sở còn hạn chế

HTCT cơ sở là tuyến đầu trong chuyển tải chủ trương, nắm tình hình và xử lý vấn đề phát sinh ở Tây Nguyên. Dù kết quả khảo sát cho thấy đánh giá tích cực khá cao (86,4% “khá tốt/rất tốt” về lãnh đạo, chỉ đạo; 84,7% về quán triệt nghị quyết) [A1.1, PL3], nhưng “điểm nghẽn” nổi bật là năng lực cán bộ cơ sở chưa đồng đều. Có 86,8% cán bộ đồng tình rằng năng lực một bộ phận cán bộ còn hạn chế [E2.1, PL3], trong đó 58,9% cho rằng hạn chế ở mức “đáng kể/rất đáng kể” [F1.1, PL3].

Hạn chế này thể hiện rõ ở khả năng thích ứng văn hóa – xã hội: 46,8% cán bộ gặp khó do chưa am hiểu phong tục DTTS [F5.4, PL3]; 96,8% khẳng định cần bồi dưỡng kiến thức phong tục, ngôn ngữ và kỹ năng làm việc đa văn hóa [F6.4, PL3]. Người dân cũng phản ánh tương tự: 88,8% đồng tình rằng cán bộ tăng cường chưa hiểu phong tục, ngôn ngữ [E3.4, PL4]; tỷ lệ đánh giá am hiểu phong tục ở mức “tốt/rất tốt” chỉ 33,6% [F1.2, PL4]. Chuyên gia cảnh báo thiếu am hiểu địa bàn dễ tạo “độ lệch pha” khi xử lý vấn đề nhạy cảm (dân tộc, tôn giáo, đất đai, di cư), làm suy giảm niềm tin [M1.2, PL5; M2.3, PL6; M3.4, PL7]. HTCT cơ sở có chuyên biến nhưng chất lượng chưa đồng đều; chênh lệch năng lực và mức độ “đúng – trúng” với cộng đồng làm giảm hiệu quả phòng ngừa, xử lý từ sớm.

Thứ hai, bất cập trong quản lý xã hội các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, dân tộc, tôn giáo và di cư tự do

Các lĩnh vực nhạy cảm gắn trực tiếp lợi ích người dân, đan xen lịch sử – tộc người – tôn giáo, nên dễ tác động ANCT. Đất đai vẫn là điểm nóng tiềm ẩn: khiếu kiện đất đai chiếm tỷ trọng rất lớn; giai đoạn 2001–2018 toàn vùng có gần 400 vụ việc phức tạp, chủ yếu liên quan đất sản xuất DTTS. Khảo sát cán bộ: 83,3% đồng tình rằng quản lý đất đai/dân tộc/tôn giáo còn bất cập [E2.2, PL3]. Người dân đánh giá mức “tốt/rất tốt” về minh bạch đất đai chỉ 47,6%; 31,6% “trung bình/yếu”; 21,6% “không biết/không rõ” [A1.7, PL4] → phản ánh hạn chế công khai thông tin và tạo đồng thuận.

Tôn giáo: vẫn còn các điểm sinh hoạt chưa được công nhận (tập trung Kon Tum, Đắk Lắk) trước tháng 7/2025; 16,2% cán bộ đánh giá thực thi chính sách dân tộc – tôn giáo chỉ ở mức “trung bình” [D1.4, PL3]. Người dân: 64,8% đánh giá tốt việc tạo điều kiện sinh hoạt tôn giáo hợp pháp nhưng 25,6% “trung bình”, 14,0% “yếu” [A1.8, PL4]. Hoạt động tôn giáo yếu tố nước ngoài/phi chính phủ và một số dòng tu đặt yêu cầu quản lý cao hơn; việc xử lý phát sinh ở một số nơi còn lúng túng [M1.2, PL5; M3.4, PL7].

Di cư tự do: gây sức ép lên đất đai, an sinh, quản lý dân cư; đến 2018 còn hơn 22.000 hộ di cư tự phát đã bố trí nhưng vẫn rủi ro. Cán bộ: 57,7% đồng tình và 18,6% hoàn toàn đồng tình di dân tự do, vượt biên còn phức tạp [E2.5, PL3]; người dân:

41,2% đồng tình và 21,2% hoàn toàn đồng tình [E3.5, PL4]. Các bất cập đan xen tạo “điểm nhạy cảm” trong quản trị xã hội; chủ yếu cục bộ nhưng có thể tích tụ thành rủi ro nếu phối hợp liên ngành và năng lực cơ sở không được củng cố.

Thứ ba, hạn chế về trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ người DTTS, tác động đến bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên

Cán bộ cơ sở quyết định hiệu quả nắm tình hình và xử lý vấn đề phức tạp, nhưng 91,8% cán bộ thừa nhận năng lực một bộ phận còn hạn chế [E2.1, PL3]. Về chuyên đổi số: chỉ 14,0% “nắm vững và đã triển khai”; 42,0% “nắm cơ bản”; 8,0% “chưa nắm” [A3.4, PL3]. Với quy trình xử lý điểm nóng: 33,2% chỉ “nắm cơ bản” và 3,0% “chưa nắm” [B3.1, PL3].

Người dân đánh giá năng lực cán bộ DTTS còn phân hóa: 43,2% đánh giá mức tham gia quản lý “trung bình”; “rất tốt” chỉ 16,0% [C1.6, PL4]. Về xử lý tình huống nhạy cảm, vẫn có 21,2% đánh giá “yếu/trung bình” [C1.7, PL4]. Ngoài ra, cán bộ tăng cường “lệch” văn hóa – ngôn ngữ: 46,0% người dân đồng tình và 4,0% hoàn toàn đồng tình [E3.4, PL4]. Chuyên gia cho rằng đào tạo, bồi dưỡng chưa theo kịp yêu cầu mới, nhất là trước nguy cơ phi truyền thống và lợi dụng không gian mạng [M1.3, PL5; M2.3, PL6; M3.4, PL7]. Hạn chế mang tính cơ cấu: chuyên môn, kỹ năng xử lý tình huống, năng lực số và năng lực “địa bàn” chưa đồng đều.

Thứ tư, bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên bị tác động, ảnh hưởng bởi âm mưu, thủ đoạn, hoạt động của các thế lực thù địch và các loại tội phạm

Tây Nguyên là địa bàn trọng điểm bị lợi dụng lâu dài; sau FULRO, tàn dư và mạng lưới lưu vong vẫn bị khai thác. Các vụ việc 2001, 2004, 2008 cho thấy nguy cơ chuyển hóa bức xúc kinh tế – xã hội thành bất ổn chính trị. Hiện nay, 86,0% cán bộ đánh giá hoạt động lợi dụng dân tộc/tôn giáo/dân chủ/nhân quyền tác động “đáng kể/rất đáng kể” [D1.1, PL3]. Thủ đoạn nổi bật là không gian mạng: 62,9% cán bộ nhận định lợi dụng mạng xã hội; 21,8% cho rằng kết hợp online với móc nối trực tiếp [E2.2, PL3]. Người dân: 40,8% từng tiếp cận thông tin xuyên tạc trong 12 tháng; 11% đánh giá xử lý tin giả “yếu” [D1.10, PL4].

Tội phạm ma túy, buôn lậu, khai thác trái phép, tranh chấp đất đai kéo dài... tạo môi trường dễ bị lợi dụng. Vụ tấn công 11/6/2023 ở Cư Kuin (Đắk Lắk) cho thấy nguy cơ bạo lực cực đoan và sự chuyển hóa mâu thuẫn xã hội thành bạo lực chính trị. Chuyên gia nhấn mạnh chiến lược chống phá lâu dài, lợi dụng “khe hở” quản lý cơ sở [M1.2, PL5; M2.3, PL6; M3.4, PL7]. Nguy cơ đa chiều, thủ đoạn linh hoạt, đan xen tội phạm – bất mãn xã hội – tuyên truyền mạng, làm tăng độ nhạy cảm ANCT.

Thứ năm, hạn chế trong bảo đảm ANCT trên không gian mạng và truyền thông số

Không gian mạng tạo “không gian an ninh” mới: vừa lan tỏa thông tin chính thống vừa bị lợi dụng xuyên tạc, kích động. Cán bộ đánh giá tương đối tích cực nhưng chưa đồng đều: 24,3% đánh giá hiệu quả bảo đảm an ninh mạng ở mức “trung bình” [D1.9, PL3]; 25,9% đánh giá phòng, chống tin giả “trung bình” [D1.10, PL3]. Người dân thận trọng hơn: chỉ 53,2% đánh giá an toàn thông tin “khá/rất tốt”; 39,6% “trung bình”; 7,2% “chưa tốt” [D1.9, PL4]; 38,4% “rất lo lắng” về tin giả [D1.10, PL4].

Năng lực nhận diện thông tin còn hạn chế: 40,8% từng gặp tin sai trong 12 tháng; 13,6% từng chia sẻ tin giả [D1.1; D1.2, PL4]. Về cán bộ: chỉ 26,9% “nắm vững và triển khai” phương án bảo vệ an ninh mạng; 27,3% “nắm cơ bản”; 3,3% “chưa nắm” [B3.2, PL3]. Công tác tập huấn/xử lý thường xuyên còn thiếu: 47,1% đơn vị chưa tập huấn xử lý tin giả – khủng hoảng truyền thông; 33,7% chưa triển khai

xử lý tin xấu trong năm qua [D3.3; D3.7, PL3]. 79,1% cán bộ đồng tình/hoàn toàn đồng tình việc xử lý tin giả chưa hiệu quả [E2.3, PL3]. Hạn chế nằm ở năng lực thực thi, cơ chế chủ động cảnh báo sớm, kỹ năng số cộng đồng và sự chênh lệch giữa tốc độ lan truyền thông tin với tốc độ phản ứng.

3.1.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong bảo đảm ANCT ở Tây Nguyên *Thứ nhất, nguyên nhân chủ quan*

Năng lực cán bộ cơ sở chưa đáp ứng, đặc biệt năng lực “địa bàn” (91,8% cán bộ thừa nhận hạn chế) [E2.1, PL3]; 46,8% cán bộ gặp khó do thiếu hiểu biết phong tục [D1.6, PL3]; người dân cũng ghi nhận cán bộ tăng cường chưa hiểu văn hóa – ngôn ngữ [B1.4, PL4].

Cách làm thiên về xử lý sự vụ, thiếu dự báo – phòng ngừa: tỷ lệ đơn vị chưa tập huấn, chưa xử lý tin giả còn cao [D3.3; D3.7, PL3]; người dân vẫn tiếp cận/chia sẻ tin giả [B2.1; B2.3, PL4].

Phối hợp liên ngành chưa đồng bộ: 77,6% cán bộ đồng tình cơ chế phối hợp chưa hiệu quả [E2.2, PL3]; biểu hiện thiếu cơ chế chia sẻ, chồng chéo chức năng, rào cản ngôn ngữ [E2.3, PL3]; người dân ít cảm nhận rõ hiệu quả phối hợp [B1.7, PL4].

Năng lực quản trị không gian mạng hạn chế: chỉ 26,9% cán bộ “nắm vững” phương án an ninh mạng [D2.5, PL3]; người dân lo lắng tin giả [B2.5, PL4].

Kỷ luật – trách nhiệm công vụ chưa nghiêm ở một số nơi, khiến xử lý vấn đề nhạy cảm bị chậm, mâu thuẫn nhỏ dễ tích tụ [D1.8, PL3].

Thứ hai, nguyên nhân khách quan

Địa bàn rộng, chia cắt, dân cư phân tán làm tăng chi phí quản trị và độ trễ phản ứng; 63,4% cán bộ coi đây là trở ngại đáng kể [A1.1, PL3].

Cơ cấu đa dân tộc – tôn giáo và biến động dân cư làm tăng độ nhạy cảm; 76,5% cán bộ cho rằng phức tạp hơn địa bàn khác [D1.1, PL3].

Phát triển KT–XH chưa đồng đều, sinh kế bấp bênh tạo áp lực xã hội; cán bộ đánh giá tác động đáng kể của yếu tố KT–XH tới ANCT [E2.2, PL3].

Biến đổi khí hậu, suy thoái tài nguyên, di cư tự do tạo mâu thuẫn mới và sức ép quản lý; cán bộ và người dân đều đánh giá di cư tự do còn phức tạp [D1.1, PL3; B1.4, PL4].

Môi trường thông tin – mạng xã hội biến động nhanh, kỹ năng số cộng đồng chưa đồng đều: 40,8% người dân từng gặp tin sai [D1.1, PL4].

Thứ ba, nguyên nhân cấu trúc - thể chế

Chính sách đất đai/dân tộc/tôn giáo chưa đủ linh hoạt cho đặc thù Tây Nguyên: 55,6% cán bộ đánh giá bất cập “đáng kể” [E3.2, PL3]; người dân đánh giá minh bạch đất đai “tốt/rất tốt” chỉ 47,6%, “không rõ” 21,6% [A1.7, PL4].

Phân cấp – phối hợp đa cấp chưa rõ và chưa hiệu quả: 77,6% cán bộ đồng tình cơ chế phối hợp chưa đồng bộ [E2.2, PL3], làm giảm phản ứng nhanh [M2.3, PL6]. Nguồn lực thực thi hạn chế: 62,8% cán bộ đánh giá thiếu nguồn lực là khó khăn đáng kể [D1.1, PL3]; năng lực an ninh mạng khó nâng nếu thiếu điều kiện [D2.5, PL3]. Mô hình quản trị còn nặng hành chính – hậu kiểm, chưa thích ứng nguy cơ phức hợp; 60,7% cán bộ cho rằng xử lý tin giả chưa hiệu quả [E2.2, PL3]. Công khai, minh bạch và truyền thông chính sách chưa kịp thời, làm giảm đồng thuận: 58,9% cán bộ đồng tình/hoàn toàn đồng tình thông tin cơ sở chưa kịp thời [E2.2, PL3].

3.2. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN THỜI GIAN TỚI

Thứ nhất, yêu cầu giữ vững ANCT trong điều kiện các vấn đề dân tộc, tôn giáo tiếp tục nhạy cảm và dễ bị lợi dụng.

Thứ hai, yêu cầu nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực giải quyết từ cơ sở đối với các vấn đề KT - XH, đất đai và di cư tự do.

Thứ ba, yêu cầu chủ động phòng ngừa và đấu tranh làm thất bại hoạt động chống phá trong bối cảnh hội nhập quốc tế và không gian mạng tác động ngày càng sâu rộng.

Thứ tư, yêu cầu đổi mới tư duy và phương thức quản trị ANCT trong điều kiện mới.

Tiểu kết Chương 3

Trên cơ sở khung lý luận về ANCT đã xác lập, Chương 3 tập trung phân tích thực trạng bảo đảm ANCT ở Tây Nguyên giai đoạn 2011–2025 trong bối cảnh nhiều biến động đan xen giữa các yếu tố an ninh truyền thống và phi truyền thống. Phân tích cho thấy, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo vệ ANQG, củng cố QP - AN và phát triển KT - XH vùng Tây Nguyên đã được triển khai tương đối đồng bộ; ANCT cơ bản được giữ vững, ổn định chính trị xã hội được bảo đảm, khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố; nhiều âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch đã được phát hiện, ngăn chặn kịp thời. Vai trò của HTCT, LLVT và Nhân dân trong bảo đảm ANCT ngày càng được phát huy, nhất là ở cơ sở.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy bảo đảm ANCT ở Tây Nguyên vẫn tồn tại những hạn chế mang tính cấu trúc và lâu dài. Một số mâu thuẫn xã hội liên quan đến đất đai, rừng, sinh kế, dân tộc, tôn giáo chưa được giải quyết căn cơ; năng lực quản trị của HTCT cơ sở còn chưa đồng đều; cơ chế phối hợp có lúc, có nơi chưa chặt chẽ; công tác nắm tình hình, dự báo và phòng ngừa nguy cơ chưa theo kịp yêu cầu mới, nhất là trước tác động gia tăng của ANPTT và không gian mạng. Những hạn chế này tiềm ẩn nguy cơ làm suy giảm nền tảng xã hội của ANCT nếu không được nhận diện và xử lý kịp thời. Từ việc phân tích thực trạng và nguyên nhân của những kết quả đạt được cũng như những hạn chế nêu trên, Chương 3 đặt ra yêu cầu cần có cách tiếp cận mới trong bảo đảm ANCT ở Tây Nguyên theo hướng quản trị ổn định, lấy phòng ngừa là chính, xử lý từ sớm, từ cơ sở và gắn chặt với phát triển KT - XH bền vững. Đây là cơ sở thực tiễn trực tiếp để Chương 4 đề xuất phương hướng và hệ thống giải pháp bảo đảm ANCT ở Tây Nguyên trong bối cảnh mới.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH MỚI

4.1. DỰ BÁO TÌNH HÌNH TÁC ĐỘNG ĐẾN BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH MỚI

4.1.1. Dự báo tình hình và xu thế quốc tế tác động đến bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

Thời gian tới, môi trường quốc tế tiếp tục bất định với cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng, kinh tế toàn cầu tiềm ẩn nhiều rủi ro và các thách thức an ninh phi truyền thống diễn biến phức tạp. Không gian mạng và truyền thông xuyên biên giới phát triển mạnh làm gia tăng nguy cơ lan truyền thông tin sai lệch, tác động đến nhận thức và niềm tin xã hội. Tác động quốc tế đến ANCT mang tính gián tiếp, tích tụ và dài hạn, đòi hỏi nâng cao năng lực dự báo và quản trị rủi ro.

4.1.2. Dự báo tình hình trong nước tác động đến bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

Trong nước, quá trình tái cấu trúc phát triển vùng, cải cách bộ máy, chuyển đổi số và hoàn thiện thể chế sẽ tạo cả cơ hội và thách thức đối với ANCT ở Tây Nguyên. Biến động kinh tế, chênh lệch lợi ích, rủi ro sinh kế, hạn chế trong quản trị cơ sở hoặc độ trễ chính sách có thể làm phát sinh bức xúc xã hội nếu không được xử lý kịp thời. Chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở và năng lực quản lý môi trường thông tin giữ vai trò then chốt trong củng cố niềm tin và phòng ngừa nguy cơ mất ổn định.

4.1.3. Dự báo xu thế chuyển đổi phương thức bảo đảm an ninh chính trị ở Tây Nguyên

Phương thức bảo đảm ANCT ở Tây Nguyên có xu hướng chuyển từ mô hình thiên về xử lý sự vụ sang quản trị rủi ro và phòng ngừa từ sớm, từ xa; từ tiếp cận hành chính đơn ngành sang phối hợp liên ngành, liên vùng; từ quản lý trên địa bàn vật lý sang quản trị cả không gian số và nhận thức xã hội. Đồng thời, vai trò của Nhân dân, người có uy tín và các thiết chế cộng đồng được phát huy như một cầu phân quan trọng của thể trận an ninh nhân dân và nền tảng ổn định lâu dài.

4.2. QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH MỚI

4.2.1. Bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên phải đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy, tổ chức đảng gắn liền với sự quản lý, điều hành thống nhất, hiệu quả của chính quyền các cấp

4.2.2. Bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên phải được thực hiện toàn diện, đồng bộ, gắn với phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết hài hòa các vấn đề dân tộc, tôn giáo

4.2.3. Bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên phải chủ động, từ sớm, từ xa, lấy phòng ngừa, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống

4.2.4. Bảo đảm an ninh chính trị ở Tây Nguyên phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và vai trò của Nhân dân

4.2.5. Bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên phải được tiếp cận tích hợp giữa an ninh truyền thống, an ninh phi truyền thống và quản trị không gian số

4.3. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ Ở TÂY NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH MỚI

4.3.1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và nâng cao năng lực quản trị của chính quyền các cấp trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

4.3.1.1. Nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng đối với nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới

Thứ nhất, đổi mới tư duy lãnh đạo theo hướng quản trị rủi ro, chủ động, lấy phòng ngừa là chính, lấy cơ sở làm trọng tâm.

Thứ hai, nâng cao chất lượng ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết theo hướng “bám địa bàn, trúng vấn đề, rõ trách nhiệm”.

Thứ ba, gắn chặt lãnh đạo bảo đảm ANCT với lãnh đạo phát triển KT - XH và củng cố QP - AN.

Thứ tư, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, nhất là ở cơ sở trong bối cảnh mới.

Thứ năm, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và nêu gương trách nhiệm giải trình trước những sự việc liên quan đến ANCT xảy ra trên địa bàn.

4.3.1.2. Hoàn thiện và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị trên

địa bàn Tây Nguyên

Thứ nhất, đổi mới quản lý các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, dân tộc, tôn giáo theo hướng công khai, minh bạch, tăng cường đối thoại, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

Thứ hai, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng quản trị và đạo đức công vụ của cán bộ chính quyền cơ sở.

Thứ ba, hiện đại hóa quản trị nhà nước gắn với chuyển đổi số và tăng cường quản lý không gian mạng, bảo đảm an ninh dữ liệu, chủ động định hướng thông tin.

Thứ tư, hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành, xác định rõ đầu mối, trách nhiệm và quy trình xử lý trong giải quyết các vụ việc phức tạp, nhạy cảm.

Thứ năm, xây dựng và vận hành cơ chế cảnh báo sớm rủi ro về ANCT từ cơ sở, dựa trên hệ thống chỉ báo và việc nắm tình hình thường xuyên, liên tục

4.3.1.3. 3. Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật, kỷ cương theo hướng quản trị rủi ro, phòng ngừa từ sớm, từ cơ sở

Thứ nhất, chuyển từ kiểm tra theo vụ việc sang kiểm tra theo điểm rủi ro, tập trung vào các lĩnh vực, địa bàn nhạy cảm, tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định.

Thứ hai, gán trách nhiệm người đứng đầu với các chỉ số phản ánh mức độ ổn định địa bàn, coi đây là tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Thứ ba, bảo đảm đồng bộ giữa kỷ luật Đảng, kỷ luật hành chính và xử lý theo pháp luật, không để xảy ra khoảng trống hoặc chồng chéo trong xử lý vi phạm.

Thứ tư, theo dõi và đánh giá thực chất hiệu quả khắc phục sau kiểm tra, lấy kết quả ổn định xã hội và sự hài lòng của người dân làm thước đo.

Thứ năm, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong công tác kiểm tra, giám sát góp phần nâng cao hiệu quả bảo đảm ANCT trong điều kiện mới.

4.3.2. Gắn bảo đảm an ninh chính trị với phát triển kinh tế – xã hội và giải quyết hài hòa các vấn đề dân tộc, tôn giáo ngay từ cơ sở

4.3.2.1. Kết hợp chặt chẽ giữa bảo đảm ANCT với phát triển KT-XH

Thứ nhất, tích hợp yêu cầu bảo đảm ANCT ngay từ khâu quy hoạch, thẩm định và triển khai các chương trình, dự án phát triển, nhất là lĩnh vực nhạy cảm.

Thứ hai, tập trung giải quyết dứt điểm các điểm nghẽn về đất đai, rừng và sinh kế của đồng bào DTTS, hạn chế tích tụ mâu thuẫn xã hội.

Thứ ba, nâng cao chất lượng quản trị phát triển, thực hiện dân chủ thực chất ở cơ sở, coi đây là cơ chế phòng ngừa rủi ro ANCT.

Thứ tư, bảo đảm an ninh số và an toàn dữ liệu trong quá trình chuyển đổi số, phòng ngừa rủi ro từ không gian mạng.

Thứ năm, lấy an ninh con người và củng cố “thế trận lòng dân” làm nền tảng căn bản, lâu dài cho ổn định chính trị.

4.3.2.2. Nâng cao chất lượng quản trị, giải quyết các vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở

Thứ nhất, xây dựng cơ chế quản trị xã hội chủ động, dự báo và phòng ngừa rủi ro từ cơ sở

Thứ hai, chuẩn hóa quy trình tiếp nhận, phân loại và giải quyết kịp thời kiến nghị, khiếu nại của Nhân dân.

Thứ ba, phát huy vai trò các thiết chế truyền thống như già làng, người có uy tín trong hòa giải và ổn định cộng đồng.

Thứ tư, chuẩn hóa năng lực cán bộ cấp xã, đẩy mạnh ứng dụng số hóa trong quản trị cơ sở.

Thứ năm, tích hợp quản trị cơ sở với mục tiêu phát triển bền vững gắn với

củng cố quốc phòng – an ninh..

4.3.2.3. Chủ động giải quyết hiệu quả các vấn đề dân tộc, tôn giáo phát sinh từ cơ sở

Thứ nhất, xác định công tác dân tộc, tôn giáo là nhiệm vụ chiến lược lâu dài, gắn chặt với phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng – an ninh.

Thứ hai, ưu tiên xử lý minh bạch, dứt điểm các vấn đề đất đai, rừng, bảo đảm hài hòa lợi ích và ổn định lâu dài.

Thứ ba, thực hiện chính sách dân tộc theo hướng bao trùm, thu hẹp chênh lệch vùng và dân tộc, nâng cao đời sống đồng bào.

Thứ tư, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong khuôn khổ Hiến pháp và Pháp luật gắn liền với tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Thứ năm, phát huy vai trò người có uy tín, chức sắc tôn giáo và tăng cường phối hợp đồng bộ của toàn hệ thống chính trị trong giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo.

4.3.3. Chủ động phòng ngừa, nắm chắc tình hình, không để bị động, bất ngờ trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

4.3.3.1. Nâng cao chất lượng công tác nắm tình hình, phân tích, dự báo và tham mưu chiến lược về an ninh chính trị ở Tây Nguyên

Thứ nhất, đổi mới căn bản cách tiếp cận trong công tác nắm tình hình về ANCT trên địa bàn.

Thứ hai, nâng cao năng lực phân tích, dự báo chiến lược, liên ngành, dựa trên dữ liệu đa chiều và liên thông.

Thứ ba, chuẩn hóa quy trình tham mưu chiến lược, bảo đảm cụ thể, khả thi và có phương án thực tế.

Thứ tư, xác định rõ “ngưỡng rủi ro” trong từng lĩnh vực để kích hoạt biện pháp can thiệp kịp thời, phù hợp.

Thứ năm, hoàn thiện cơ chế phối hợp liên vùng, liên địa bàn gắn với ứng dụng KH - CN và chuyển đổi số trong công tác nắm tình hình và dự báo ANCT

4.3.3.2. Tăng cường cơ chế phát hiện sớm, xử lý kịp thời các nguy cơ, yếu tố phức tạp có thể tác động đến an ninh chính trị

Thứ nhất, xây dựng và vận hành hệ thống cảnh báo sớm về ANCT dựa trên các chỉ báo rủi ro cụ thể, dễ theo dõi trên địa bàn.

Thứ hai, xác định rõ trách nhiệm, thống nhất chỉ đạo và đầu mối xử lý khi phát sinh vụ việc phức tạp.

Thứ ba, ưu tiên đối thoại, hòa giải và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của Nhân dân trước khi áp dụng biện pháp xử lý xung đột.

Thứ tư, thực hiện cơ chế tổng kết, rút kinh nghiệm bắt buộc sau mỗi vụ việc phức tạp để hoàn thiện quy trình quản trị.

4.3.3.3. . Bảo đảm an ninh chính trị trên không gian mạng gắn với nâng cao dân trí số cho đồng bào Tây Nguyên

Thứ nhất, chuyển từ xử lý kỹ thuật sang quản trị tổng hợp không gian mạng, đặt trong tổng thể quản trị xã hội.

Thứ hai, chủ động cung cấp thông tin chính thống kịp thời, minh bạch khi xuất hiện vấn đề nhạy cảm.

Thứ ba, nâng cao dân trí số cho đồng bào, đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thứ tư, phát huy vai trò của già làng, người có uy tín và chức sắc tôn giáo trong định hướng dư luận trên môi trường số.

Thứ năm, xây dựng mô hình cộng đồng an toàn trên không gian mạng gắn với lợi ích thiết thực của người dân.

Thứ sáu, tăng cường năng lực bảo đảm an ninh mạng của các cơ quan nhà nước và LLVT, bảo vệ hạ tầng dữ liệu và năng lực phản ứng trước mọi tình huống

4.3.4. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và vai trò của Nhân dân trong bảo đảm an ninh chính trị

4.3.4.1. Hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp, liên vùng trong hệ thống chính trị trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

Thứ nhất, xác lập rõ vai trò, trách nhiệm của từng chủ thể trong HTCT trên nền tảng lãnh đạo thống nhất của cấp ủy Đảng.

Thứ hai, chuyển từ phối hợp theo vụ việc sang phối hợp thường xuyên theo địa bàn và nhóm vấn đề nhạy cảm.

Thứ ba, chuẩn hóa quy chế phối hợp, gắn với cơ đánh giá kết quả thực hiện.

Thứ tư, tăng cường liên kết vùng Tây Nguyên trong nhận diện và xử lý các nguy cơ liên tỉnh, liên địa bàn.

Thứ năm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong phối hợp và thường xuyên tổng kết thực tiễn để hoàn thiện cơ chế vận hành.

4.3.4.2. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và người có uy tín ở cơ sở trong tuyên truyền, vận động, hòa giải, định hướng dư luận; củng cố “thế trận lòng dân”

Thứ nhất, đổi mới nội dung, hình thức và phương thức tuyên truyền, vận động của Mặt trận và các đoàn thể theo hướng thiết thực, sát dân, gắn với lợi ích cụ thể.

Thứ hai, phát huy vai trò của già làng, trưởng thôn, bản, người có uy tín và chức sắc tôn giáo như lực lượng nòng cốt trong hòa giải và định hướng dư luận.

Thứ ba, gắn công tác vận động quần chúng với việc giải quyết kịp thời các kiến nghị, khiếu nại chính đáng của Nhân dân

Thứ tư, mở rộng hoạt động tuyên truyền, vận động sang không gian mạng, chủ động định hướng dư luận số.

Thứ năm, củng cố “thế trận lòng dân” làm nền tảng xã hội vững chắc cho bảo đảm an ninh chính trị.

4.3.4.3. Đổi mới, nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn với đặc thù địa bàn và các nhóm vấn đề nhạy cảm

Thứ nhất, chuyển từ cách làm phong trào hình thức sang tiếp cận thực chất, lấy hiệu quả giữ vững ANCT ở cơ sở làm thước đo.

Thứ hai, thiết kế mô hình phù hợp với đặc thù từng thôn – buôn – làng và từng nhóm vấn đề nhạy cảm.

Thứ ba, nhân rộng các mô hình tự quản gắn với giải quyết các vấn đề đất đai, dân tộc, tôn giáo và dư luận xã hội.

Thứ tư, lồng ghép phong trào với phát triển kinh tế – xã hội và bảo đảm quốc phòng – an ninh.

Thứ năm, phát triển phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ trên không gian mạng.

4.3.5. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở và cán bộ là người DTTS

4.3.5.1. Nâng cao chất lượng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng gắn liền với cơ chế phát hiện, thu hút, sử dụng, đãi ngộ và phát triển cán bộ DTTS; bảo đảm tính kế thừa và nguồn cán bộ chủ chốt

Thứ nhất, đổi mới công tác quy hoạch cán bộ theo hướng bám sát yêu cầu bảo đảm ANCT và năng lực thực tiễn.

Thứ hai, đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm, chú trọng kỹ năng đối thoại, hòa giải và xử lý điểm nóng xã hội.

Thứ ba, coi năng lực am hiểu văn hóa, phong tục và ngôn ngữ dân tộc thiểu số là tiêu chí quan trọng trong đánh giá, sử dụng cán bộ.

Thứ tư, chủ động phát hiện, tạo nguồn và bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số theo hướng dài hạn, bảo đảm tính kế thừa.

Thứ năm, bố trí cán bộ uy tín, đúng người, đúng việc, đúng địa bàn, tâm huyết và gắn bó với cộng đồng.

4.3.5.2. Rèn luyện thực tiễn, siết kỷ luật, nâng cao năng lực số

Thứ nhất, thực hiện luân chuyển cán bộ gắn với địa bàn trọng điểm, bảo đảm thời gian đủ dài để rèn luyện thực tiễn và tích lũy kinh nghiệm.

Thứ hai, siết chặt kỷ luật, kỷ cương và đạo đức công vụ, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với chính quyền cơ sở.

Thứ ba, nâng cao kỹ năng đối thoại, hòa giải và xử lý mâu thuẫn ngay từ cơ sở.

Thứ tư, trang bị năng lực số và kỹ năng xử lý thông tin trên không gian mạng cho cán bộ cấp xã.

4.3.5.3. Hoàn thiện chính sách đối với đội ngũ cán bộ, chiến sĩ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị ở Tây Nguyên

Thứ nhất, xây dựng cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm khi thực hiện đúng quy trình và vì lợi ích chung.

Thứ hai, hoàn thiện chế độ đãi ngộ, chính sách thu hút và giữ chân nhân lực chất lượng, nhất là tại địa bàn trọng điểm, khó khăn.

Thứ ba, tăng cường đầu tư hạ tầng, trang thiết bị, điều kiện làm việc và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin phục vụ nhiệm vụ.

Thứ tư, chú trọng chăm lo đời sống, chính sách hậu phương, tạo sự yên tâm công tác lâu dài cho cán bộ, chiến sĩ.

Thứ năm, thực hiện cơ chế đánh giá, khen thưởng dựa trên hiệu quả thực chất, gắn với mức độ củng cố niềm tin xã hội và “thế trận lòng dân”.

Tiểu kết Chương 4

Chương 4 đã phân tích bối cảnh quốc tế và trong nước tác động đến an ninh chính trị (ANCT) trên địa bàn Tây Nguyên, chỉ ra rằng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, các thách thức an ninh phi truyền thống, biến động kinh tế toàn cầu và chiến tranh thông tin đang làm thay đổi sâu sắc môi trường an ninh. Ở trong nước, quá trình tái cấu trúc mô hình phát triển, chuyển đổi số và sắp xếp tổ chức chính quyền địa phương đặt ra yêu cầu mới đối với năng lực quản trị của hệ thống chính trị (HTCT), nhất là tại địa bàn đa dân tộc, đa tôn giáo như Tây Nguyên. Trong bối cảnh đó, ANCT không chỉ là vấn đề giữ ổn định trước mắt mà gắn chặt với quản trị xã hội, điều tiết lợi ích và củng cố đồng thuận, niềm tin của Nhân dân.

Trên cơ sở đó, Chương 4 xác lập hệ quan điểm và đề xuất hệ giải pháp bảo đảm ANCT theo hướng chuyển từ tư duy “giữ ổn định” sang “quản trị ANCT” chủ động, phòng ngừa từ sớm, từ xa. Các giải pháp tập trung vào tăng cường lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực quản trị của chính quyền; gắn ANCT với phát triển kinh tế – xã hội và giải quyết hài hòa vấn đề dân tộc, tôn giáo; chủ động dự báo, phòng ngừa rủi ro; phát huy sức mạnh tổng hợp của HTCT và vai trò Nhân dân; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở và cán bộ người dân tộc thiểu số. Qua đó, khẳng định ANCT ở Tây Nguyên chỉ bền vững khi được đặt trong tổng thể quản trị phát triển, dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự điều hành hiệu lực của chính quyền và sự tham gia tích cực của Nhân dân.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh thế giới và khu vực biến động nhanh chóng, phức tạp và khó dự báo, bảo đảm ANCT ngày càng khẳng định vai trò nền tảng đối với ổn định và phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Đối với Việt Nam, ANCT không chỉ gắn với việc giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và sự ổn định của chế độ chính trị, mà còn là điều kiện căn bản để củng cố niềm tin xã hội, duy trì sự đồng thuận chính trị và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số ngày càng sâu rộng. Trong chính thể đó, Tây Nguyên là không gian chính trị xã hội đặc thù, giữ vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về QP - AN, đối ngoại và sinh thái, đồng thời cũng là địa bàn hội tụ nhiều yếu tố nhạy cảm, dễ bị tác động và chuyển hóa nếu không được quản trị hiệu quả.

Tiếp cận từ góc độ chính trị học, luận án khẳng định ANCT không phải là trạng thái ổn định bất biến, mà là một quá trình chính trị xã hội mang tính động, phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa quyền lực chính trị, tính chính danh của HTCT, năng lực lãnh đạo quản trị và mức độ đồng thuận xã hội. Theo cách tiếp cận này, bảo đảm ANCT không thể chỉ dừng lại ở phòng ngừa và xử lý các nguy cơ trực tiếp, mà phải được đặt trong tổng thể quản trị phát triển và quản trị rủi ro, hướng tới kiến tạo ổn định xã hội bền vững. Đây là cơ sở lý luận cho sự chuyển dịch từ tư duy giữ ổn định sang tư duy quản trị ổn định, phù hợp với yêu cầu bảo đảm ANCT trong bối cảnh mới.

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, luận án đã xây dựng được khung phân tích tương đối toàn diện về bảo đảm ANCT ở Tây Nguyên, làm rõ sự đan xen và chuyển hóa giữa các yếu tố an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống. Việc đặt các vấn đề dân tộc, tôn giáo, đất đai, di cư, phát triển KT - XH, văn hóa và không gian mạng trong một chính thể thống nhất cho phép tiếp cận ANCT ở Tây Nguyên như một quá trình tổng hợp, qua đó khắc phục cách nhìn cục bộ hoặc thuần túy dựa trên tình huống xảy ra trên địa bàn thời gian qua.

Phân tích thực tiễn bảo đảm ANCT ở Tây Nguyên giai đoạn 2011 - 2025 cho thấy, bên cạnh những kết quả quan trọng trong việc giữ vững ổn định chính trị xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và chủ động làm thất bại nhiều âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, vẫn tồn tại những hạn chế mang tính cấu trúc và dài hạn. Những hạn chế này bắt nguồn từ sự chênh lệch mức sống, bất cập trong quản lý đất đai, tài nguyên và sinh kế, năng lực quản trị của HTCT cơ sở chưa đồng đều, cùng với tác động ngày càng sâu sắc của các thách thức ANPTT và các vấn đề trên không gian mạng. Nếu không được nhận diện đầy đủ và xử lý căn cơ, các vấn đề này có thể từng bước làm suy giảm nền tảng xã hội của ANCT trong trung và dài hạn.

Từ kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận án đã đề xuất hệ thống giải pháp bảo đảm ANCT ở Tây Nguyên trong bối cảnh mới theo hướng toàn diện, đồng bộ và có trọng tâm. Đó là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý điều hành của Nhà nước; củng cố và phát huy sức mạnh tổng hợp của HTCT và Nhân dân; gắn chặt bảo đảm ANCT với phát triển KT - XH bền vững; chủ động phòng ngừa và kiểm soát rủi ro, không để bị động bất ngờ trong mọi tình huống. Các giải pháp được xây dựng theo tư duy quản trị ổn định, lấy phòng ngừa là chính, lấy cơ sở và thể trận lòng dân làm nền tảng.

Những kết quả nghiên cứu của luận án không chỉ góp phần bổ sung và làm sâu sắc thêm cơ sở lý luận về ANCT trong khoa học chính trị Việt Nam, mà còn có giá trị thực tiễn trong việc cung cấp luận cứ khoa học cho quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách bảo đảm ANCT gắn với phát triển bền vững vùng Tây Nguyên trong giai đoạn tới. Qua đó, luận án khẳng định bảo đảm ANCT ở Tây Nguyên không chỉ là nhiệm vụ trước mắt, mà là yêu cầu chiến lược lâu dài, đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa lãnh đạo chính trị, quản trị nhà nước và phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân trong điều kiện mới.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Trình Quốc Hưng (2025), “*Xây dựng thể trận An ninh Nhân dân giữ vững an ninh chính trị Tây Nguyên hiện nay*”, Tạp chí Thanh niên, <https://thanhnienviet.vn/>, ISSN 2734-902, đăng ngày 15/08/2025.
2. Trình Quốc Hưng (2025), “*Tác động của toàn cầu hóa đến an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên hiện nay*”, Tạp chí Thanh niên, 15/08/2025, Tạp chí Thanh niên, <https://thanhnienviet.vn/>, ISSN 2734-902, đăng ngày 15/08/2025.
3. Trình Quốc Hưng (2025), “*Xây dựng chính quyền hai cấp vững mạnh góp phần giữ vững an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên*”, Tạp chí Quản lý Nhà nước, <https://www.quanlynhanuoc.vn/>, ISSN 2815 – 5831, đăng ngày 28/8/2025.
4. Trình Quốc Hưng (2025), “*Bảo đảm An ninh nguồn nước góp phần ổn định và phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên*”, Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc gia “*Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả bền vững tài nguyên trong nền kinh tế hội nhập*”, Đại học Kinh tế Quốc dân và Đại học Mỏ - Địa chất phối hợp tổ chức, 11/2024, tr. 138.
5. Trình Quốc Hưng (2025), *Những yếu tố tác động đến an ninh chính trị ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Lý luận chính trị, tr 73 -81, số 572 (10/2025), ISSN 252-2585